

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2022/QĐST-DS

Đồng Nai, ngày 31 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Bà Trần Thủy Tiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 217, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị Ng xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến B xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin rút yêu cầu độc lập, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H (theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020): Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Số x, ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng (theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019): Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 4x đường HV, Khu phố Th, phường TB, thành phố X, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 2xy Thích Quảng Đ, Khu phố 6, phường A, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Tiến Ph, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2020): Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Tiến Tr, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số x, ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Trường Ch, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu T, ấp Hòa H, xã Bảo H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số x, ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1971.

8. Anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1992.

9. Chị Nguyễn Giang Th, sinh năm 1994.

10. Chị Nguyễn Hoài A, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Số x, ấp Bảo Đ, xã Xuân Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

11. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Gia R, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 488/UBND-NC ngày 22/01/2019): Bà Huỳnh Thanh Th – Trưởng phòng Tư pháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị Ng về việc “đề nghị công nhận diện tích đất 259m<sup>2</sup> thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 6A xã Xuân Đ, huyện L (thửa mới là thửa số 106, tờ bản đồ số 16 xã Xuân Đ, diện tích 288,8m<sup>2</sup>) là tài sản riêng của bà; yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn H hoàn trả cho bà ½ giá trị chuyển nhượng thửa đất số 293, tờ bản đồ số 6 và thửa số 147, tờ bản đồ số 12 xã Xuân Đ”.

2.2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến B về việc “đề nghị xem xét công sức đóng góp của ông đối với nhà đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 6A xã Xuân Đ, huyện L (thửa mới là thửa số 106, tờ bản đồ số 16 xã Xuân Đ, diện tích 288,8m<sup>2</sup>)”.

2.3. Công nhận tài sản là căn nhà trên đất và diện tích đất 259m<sup>2</sup> thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 6A xã Xuân Đ, huyện L (thửa mới là thửa số 106, tờ bản đồ số 16 xã Xuân Đ, diện tích 288,8m<sup>2</sup>) là tài sản chung của ông Nguyễn H và bà Bùi Thị Ng.

Giao tài sản là căn nhà trên đất và diện tích đất 259m<sup>2</sup> thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 6A xã Xuân Đ, huyện L (thửa mới là thửa số 106, tờ bản đồ số 16 xã Xuân Đ, diện tích 288,8m<sup>2</sup>) cho bà Bùi Thị Ng được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt.

Bà Bùi Thị Ng có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chung cho ông Nguyễn H số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản thì các bên tự nguyện chịu và không yêu cầu giải quyết (Chi phí này đã quyết toán xong).

- Về án phí: Ông Nguyễn H, bà Bùi Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho ông Nguyễn H số tiền 7.500.000 đồng (Theo biên lai thu số 000846 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L) và 300.000 đồng (Theo biên lai thu số 009742 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành huyện L) tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Ng số tiền 1.900.000 đồng (Theo biên lai thu số 000846 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L) và 7.000.000 đồng (Theo biên lai thu số 003332 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L) tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.500.000 đồng (Theo biên lai thu số 000238 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L) tạm ứng án phí đã nộp.

**3.** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa chuyên trách, Văn phòng, Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thế Phương**